

# KỸ NĂNG SỬ DỤNG NGÔN NGỮ TRONG GIAO TIẾP CỦA TRẺ RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ 4-5 TUỔI

Lê Thị Phụng

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này khảo sát thực trạng kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của 21 trẻ rối loạn phổ tự kỷ (RLPTK) trong độ tuổi 4–5 tại các trung tâm can thiệp chuyên biệt ở Việt Nam. Công cụ được sử dụng là Thang đo ngữ dụng cho trẻ RLPTK (phiên bản rút gọn của Pragmatic Language Skills Instrument – PLSI; Gilliam & Miller, 2006), gồm 29 hành vi giao tiếp, nhằm đánh giá toàn diện khả năng sử dụng ngôn ngữ của trẻ. Dữ liệu thu thập từ 60 giáo viên và 21 trẻ cho thấy kỹ năng ngôn ngữ của trẻ còn nhiều hạn chế và phân bố không đồng đều. Trẻ thể hiện ưu thế ở các kỹ năng trực quan như nhận biết đồ vật, hình ảnh ( $M = 3,66$ ) và hiểu – thực hiện yêu cầu đơn giản ( $M = 3,61$ ). Tuy nhiên, trẻ gặp khó khăn lớn trong ngôn ngữ biểu đạt và ngữ dụng, đặc biệt ở kỹ năng đặt – trả lời câu hỏi ( $M = 2,49$ ), diễn đạt mơ hồ ( $M = 2,00$ ) và nói cụt lùn ( $M = 1,90$ ). Những hạn chế này dẫn đến giao tiếp thiếu mạch lạc, thiếu chủ động và mang tính thụ động. Kết quả nghiên cứu bổ sung bằng chứng thực nghiệm về thực trạng ngôn ngữ giao tiếp của trẻ RLPTK mầm non tại Việt Nam, đồng thời gợi mở định hướng can thiệp: (1) khai thác thế mạnh trực quan để phát triển ngôn ngữ tiếp nhận; (2) tăng cường huấn luyện ngôn ngữ biểu đạt và ngữ dụng nhằm nâng cao sự mạch lạc, chủ động; và (3) kết hợp sử dụng tín hiệu phi ngôn ngữ để hỗ trợ hiệu quả giao tiếp và tạo nền tảng hòa nhập xã hội.

**Từ khóa:** Giao tiếp; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ; mầm non; ngữ dụng; rối loạn phổ tự kỷ.

Nhận bài ngày 25.08.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 27.10.2025

Liên hệ tác giả: Lê Thị Phụng; email: ctshoaphuong@gmail.com

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Rối loạn phổ tự kỷ (RLPTK) là một dạng khuyết tật phát triển thần kinh, được đặc trưng bởi sự khiếm khuyết trong giao tiếp xã hội, hành vi lặp khuôn, lặp lại và các sở thích hạn hẹp (American Psychiatric Association [APA], 2013). Một trong những đặc điểm nổi bật và có ảnh hưởng lâu dài nhất đối với trẻ RLPTK là những hạn chế về ngôn ngữ, đặc biệt trong lĩnh vực ngữ dụng – khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách phù hợp với ngữ cảnh xã hội (Tager-Flusberg, 2000).

Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện trao đổi thông tin mà còn là nền tảng để trẻ phát triển nhận thức, giao tiếp xã hội và hòa nhập cộng đồng. Trẻ RLPTK, dù có thể có khả năng phát âm và sử dụng từ vựng, thường khó diễn đạt nhu cầu, suy nghĩ và cảm xúc một cách đầy đủ. Nhiều trẻ gặp khó khăn trong việc khởi xướng hội thoại, duy trì chủ đề hoặc hiểu tín hiệu ngôn ngữ – phi ngôn ngữ của người khác, dẫn đến tình trạng giao tiếp gián đoạn và thụ động (Paul, 2003; Loveland & Tunali, 1991).

Các nghiên cứu chỉ ra rằng, trẻ RLPTK thường vi phạm những nguyên tắc hội thoại cơ bản (Grice, 1975). Ví dụ, trẻ có thể trả lời không ăn khớp với câu hỏi, cung cấp thông tin quá ít hoặc quá nhiều, chuyển chủ đề đột ngột hoặc sử dụng cách diễn đạt thiếu phù hợp với hoàn cảnh (Baron-Cohen, 1997; Landa, 2000). Điều này ảnh hưởng không chỉ đến năng lực ngôn ngữ mà còn đến kỹ năng xã hội và cơ hội hòa nhập.

Ở Việt Nam, một số nghiên cứu bước đầu đã tập trung vào việc hỗ trợ phát triển ngôn ngữ cho trẻ RLPTK, như sử dụng phương pháp TEACCH (Nguyễn Nữ Tâm An, 2007) hoặc bộ tranh ảnh hỗ trợ giao tiếp (Đỗ Thị Thảo, 2007). Tuy nhiên, các nghiên cứu về thực trạng kỹ năng sử dụng ngôn ngữ ở trẻ RLPTK lứa tuổi mầm non, đặc biệt nhóm 4–5 tuổi – giai đoạn nền tảng để chuẩn bị vào lớp 1 – còn hạn chế. Khoảng trống nghiên cứu này cần được lấp đầy nhằm cung cấp dữ liệu thực chứng cho định hướng can thiệp.

Nghiên cứu này tập trung khảo sát thực trạng kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của trẻ RLPTK 4–5 tuổi tại các trung tâm can thiệp chuyên biệt ở Việt Nam. Cụ thể, nghiên cứu nhằm:

1. Mô tả mức độ phát triển của các kỹ năng ngôn ngữ tiếp nhận, ngôn ngữ biểu đạt và ngữ dụng ở trẻ RLPTK 4–5 tuổi.
2. Xác định những điểm mạnh và khó khăn điển hình trong sử dụng ngôn ngữ giao tiếp của trẻ.
3. Gợi mở định hướng can thiệp và hỗ trợ giáo dục phù hợp.

## **2. NỘI DUNG**

### **2.1. Ngữ dụng xã hội**

Khả năng sử dụng ngôn ngữ trong bối cảnh xã hội còn gọi là ngữ dụng, bao gồm khả năng khởi xướng, duy trì và kết thúc hội thoại; điều chỉnh cách nói theo người nghe và tình huống; sử dụng ngôn ngữ để yêu cầu, giải thích, thuyết phục hoặc bày tỏ cảm xúc (Grice, 1975).

Ở trẻ phát triển bình thường, từ 4–5 tuổi, ngữ dụng xã hội đã hình thành khá rõ: trẻ biết chờ lượt lời, đặt và trả lời câu hỏi, duy trì chủ đề trong nhiều lượt hội thoại, sử dụng các chiến lược lịch sự cơ bản (Tager-Flusberg, 1993). Ngược lại, trẻ RLPTK thường gặp khó khăn ở nhiều khía cạnh. Trẻ thường gặp khó khăn về ngôn ngữ tiếp nhận, với những hạn chế trong hiểu chỉ dẫn phức tạp, nhận biết sắc thái ngữ điệu, hay hiểu hàm ý (Paul, 2003). Về ngôn ngữ biểu đạt, trẻ tự kỉ thường có vốn từ hạn chế, câu ngắn gọn, thiếu cấu trúc ngữ pháp đầy đủ, ít sử dụng từ nối (Baron-Cohen, 1997). Về ngữ dụng, trẻ khó duy trì chủ đề, trả lời không phù hợp, diễn đạt mơ hồ, sử dụng ngôn ngữ lặp lại hoặc máy móc (echolalia) (Landa, 2000).

Nhiều công trình quốc tế đã khẳng định mối liên hệ chặt chẽ giữa hạn chế ngữ dụng và khó khăn giao tiếp xã hội của trẻ RLPTK (Tager-Flusberg, 2000; Bishop, 1998). Paul (2003) nhấn mạnh rằng khó khăn ngữ dụng là đặc trưng cốt lõi của RLPTK, phân biệt với các dạng chậm phát triển ngôn ngữ khác.

Tại Việt Nam, nghiên cứu gần đây đã chỉ ra trẻ rối loạn phổ tự kỉ 3–6 tuổi có sự khác biệt về phát triển ngôn ngữ, với 85% trẻ có khả năng dưới mức trung bình về cả ngôn ngữ tiếp nhận và ngôn ngữ diễn đạt so với các bạn cùng lứa tuổi bình thường (Minh, T.T.T., Nguyen, H.T.T., Nguyen, Q.N. & Do Thi, T., 2024). Bên cạnh đó, nghiên cứu này còn cho thấy những thách thức về tiếp thu từ vựng ở trẻ tự kỉ. Nguyễn Nữ Tâm An và Nguyễn Thanh Thủy (2025) đã phân tích đặc điểm ngữ dụng của trẻ RLPTK, cho thấy trẻ có xu hướng giao tiếp thụ động, khó khởi xướng và duy trì hội thoại.

Gần đây, các nghiên cứu can thiệp cũng tập trung nhiều vào phát triển ngữ dụng, ví dụ thông qua huấn luyện hội thoại, trò chơi đóng vai, hoặc sử dụng công nghệ hỗ trợ giao tiếp.

Đỗ Thị Thảo (2007) đề xuất sử dụng tranh ảnh hỗ trợ giao tiếp. Nguyễn Thị Cẩm Hương và cộng sự (2022) chứng minh hoạt động kể chuyện bằng vải có hiệu quả trong phát triển kỹ năng hội thoại cho trẻ RLPTK 5–6 tuổi. Tuy nhiên, số nghiên cứu tập trung riêng vào lứa tuổi 4–5 còn ít, chủ yếu mới dừng lại ở mô tả tình huống sự phạm.

Mặc dù đã có nhiều công trình về phát triển ngôn ngữ cho trẻ RLPTK, nhưng nghiên

cứu thực chứng về kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của nhóm trẻ 4–5 tuổi ở Việt Nam vẫn còn thiếu. Đây là giai đoạn then chốt, chuẩn bị cho trẻ bước vào bậc tiểu học, nên việc khảo sát thực trạng kỹ năng ngôn ngữ ở độ tuổi này mang ý nghĩa quan trọng để thiết kế biện pháp can thiệp kịp thời và hiệu quả.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.2.1. Khách thể khảo sát

Nghiên cứu được tiến hành trên 21 trẻ RLPTK trong độ tuổi 4–5, đang theo học tại các trung tâm can thiệp chuyên biệt ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Tiêu chí lựa chọn gồm:

- Có chẩn đoán RLPTK theo DSM-5 (APA, 2013).
- Độ tuổi từ 48 đến 60 tháng.
- Không có khuyết tật giác quan hoặc vận động nặng kèm theo.
- Đang tham gia chương trình can thiệp ngôn ngữ – giao tiếp ít nhất 6 tháng.

Bên cạnh đó, 60 giáo viên và nhân viên can thiệp trực tiếp cho các trẻ cũng tham gia đánh giá nhằm tăng độ tin cậy của dữ liệu.

### 2.2.2. Nội dung và công cụ đo lường

\* Các phương pháp thu thập dữ liệu:

- Phiếu khảo sát: Nghiên cứu sử dụng 01 mẫu **phiếu hỏi về thực trạng phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 4-5 tuổi** dành cho GV gồm các nội dung sau:

**Phần 1:** Các thông tin cơ bản gồm: Tên, tuổi, giới tính, kinh nghiệm làm việc với trẻ RLPTK.

**Phần 2:** Khảo sát nhận thức, thái độ, hiểu biết của GV về KNSDNN và hiện trạng tổ chức các biện pháp phát triển KNSDNN trong giao tiếp cho trẻ RLPTK.

**Phần 3:** Khảo sát nhận định của GV về mức độ KNSDNN trong giao tiếp của trẻ RLPTK 4-5 tuổi ở 3 lĩnh vực: Ngôn ngữ tiếp nhận, ngôn ngữ biểu đạt và giao tiếp phi ngôn ngữ. Cụ thể như sau:

Trong 3 lĩnh vực gồm có 12 tiêu chí đánh giá, mỗi tiêu chí là một KNSDNN. Kết quả đánh giá điểm thô như sau:

Điểm cấp độ:	
Luôn luôn	5 điểm
Thường xuyên	4 điểm
Thỉnh thoảng	3 điểm
Hiếm khi	2 điểm
Không bao giờ	1 điểm

\* Phương pháp đánh giá kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của trẻ RLPTK:

Để đánh giá về kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của trẻ RLPTK 4-5 tuổi luận văn dựa trên Thang đo ngữ dụng cho trẻ RLPTK (bản rút gọn của Thang PLSI (Gilliam, J. E., & Miller, L. (2006)) để đánh giá về các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của trẻ thông qua 29 kỹ năng sử dụng ngôn ngữ: 1.Chào hỏi không phù hợp hoặc không chào hỏi; 2.Quá thẳng thắn, không giữ ý; 3.Quá trực tiếp hoặc cục cằn; 4.Quá trang trọng không phù hợp; 5.Quá suồng sã, thiếu trang trọng; 6.Nói quá nhiều; 7.Chi tiết không liên quan hoặc không phù hợp; 8.Nội dung không đồng bộ với người đối thoại; 9.Kể chuyện gây khó hiểu; 10.Lặp lại/ám ảnh một chủ đề; 11.Không phản ứng với tín hiệu giao tiếp; 12.Ít tương tác qua lại trong hội thoại; 13.Nói cụt ngủn, cục cằn; 14.Khiêu hài hước kỳ lạ; 15.Thiếu thông tin nền khi nói; 16.Không dùng đại từ phù hợp; 17.Giải thích không rõ ràng; 18.Diễn đạt mơ hồ; 19.Nói rập khuôn, máy móc; 20.Diễn đạt ý tưởng vụng về; 21.Nói không rõ hoặc phát âm sai; 22.Tốc độ nói không phù hợp; 23.Ám lượng nói không phù hợp; 24.Ngắt

quãng nhiều hoặc sửa lại câu; 25.Nhịp điệu, độ trôi chảy bất thường; 26.Khoảng cách cơ thể không phù hợp khi giao tiếp; 27.Cử chỉ không phù hợp; 28.Biểu cảm khuôn mặt không phù hợp; 29.Ánh mắt/giao tiếp bằng mắt không phù hợp.

Trong mỗi tiêu chí là một kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp. Kết quả đánh giá điểm thô như sau:

Điểm cấp độ:	
Rõ rệt/thường xuyên xảy ra	2 điểm
Có một phần/thỉnh thoảng xảy ra	1 điểm
Không có biểu hiện	0 điểm

### 2.2.3. Quy trình nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu tiến hành qua 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (Chuẩn bị): hiệu chỉnh công cụ, thử nghiệm trên trẻ để kiểm định tính phù hợp.

- Giai đoạn 2 (Thu thập dữ liệu): giáo viên điền bảng đánh giá dựa trên quan sát trực tiếp trong quá trình dạy học và sinh hoạt của trẻ trong 2 tuần.

- Giai đoạn 3 (Phân tích dữ liệu): sử dụng thống kê mô tả (giá trị trung bình, độ lệch chuẩn) để xác định mức độ thể hiện kỹ năng của từng lĩnh vực.

### 2.2.4. Xử lý dữ liệu

Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0. Ngoài thống kê mô tả, nghiên cứu còn tiến hành so sánh giữa các lĩnh vực kỹ năng để chỉ ra sự chênh lệch nổi bật.

## 2.3. Kết quả nghiên cứu

### 2.3.1. Ngôn ngữ tiếp nhận của trẻ RLPTK 4-5 tuổi

Bảng 1: Đánh giá của giáo viên về ngôn ngữ tiếp nhận của trẻ RLPTK 4-5 tuổi

	N	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
NNTN1	60	1,00	5,00	3.538461	0.849252	<b>3</b>
NNTN2	60	1,00	5,00	3.615384	0.797907	<b>2</b>
NNTN3	60	1,00	5,00	3.153846	0.794168	<b>4</b>
NNTN4	60	1,00	5,00	3.661538	0.653895	<b>1</b>

Khảo sát thông qua điều tra bảng hỏi GV cho thấy khả năng sử dụng ngôn ngữ của trẻ RLPTK 4-5 tuổi có nhiều hạn chế. (NNTN4) “**Trẻ nhận biết và phân biệt các đồ vật, hình ảnh hoặc từ quen thuộc**” có  $M= 3,66$ ,  $SD= 0.653895$  đạt thứ hạng cao nhất. Điều này cho thấy đây là kỹ năng trẻ phát triển tốt nhất, phù hợp với đặc điểm của trẻ RLPTK học thông qua trực quan và khả năng ghi nhớ hình ảnh. Là dữ liệu quan trọng trong việc xây dựng các biện pháp phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp, tận dụng điểm mạnh của trẻ. Tiếp đến là kỹ năng (NNTN2) xếp thứ hạng 2 “**Trẻ hiểu và thực hiện các yêu cầu đơn giản**” có  $M= 3,61$  với  $SD= 0.79790$ , cho thấy đa phần các trẻ tham gia khảo sát đều có kỹ năng hiểu yêu cầu ở mức độ đơn giản.

### 2.3.2. Ngôn ngữ diễn đạt của trẻ RLPTK 4-5 tuổi

Bảng 2: Ngôn ngữ diễn đạt của trẻ RLPTK

	N	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
NNĐ1	60	1,00	5,00	3.215384	0.739845	<b>1</b>
NNĐ2	60	1,00	5,00	2.923076	0.755272	<b>2</b>
NNĐ3	60	1,00	5,00	2.492307	0.907967	<b>4</b>
NNĐ4	60	1,00	5,00	2.492307	0.815888	<b>3</b>

Bảng trên cho thấy, kỹ năng “**Trẻ biết đặt câu hỏi hoặc trả lời các câu hỏi đơn giản**”

là kỹ năng trẻ gặp khó khăn nhất với  $M = 2,49$  độ lệch chuẩn  $0,815888$  và  $0,907967$  thứ hạng 11 và 12, điều này cho thấy các trẻ RLPTK phát triển ngôn ngữ còn thấp, đa số chưa biết cách đặt câu hỏi từ đó cho thấy các trẻ chưa chủ động trong giao tiếp, giao tiếp thụ động 1 chiều. Việc trả lời các câu hỏi đơn giản cũng gặp khó khăn cho thấy sự hạn chế trong ngôn ngữ của trẻ, việc thiếu vốn từ hoặc yếu kém trong KNSDNN là rào cản lớn của trẻ. Để khắc phục các khó khăn này cần phải xây dựng biện pháp phù hợp giúp trẻ tăng tính chủ động và đưa ra các câu hỏi trong giao tiếp.

### 2.3.3. Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ của trẻ RLPTK 4-5 tuổi

Bảng 3: Giao tiếp phi ngôn ngữ của trẻ RLPTK

	N	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
GTPNN1	60	1,00	5,00	3.16923	0.863156	<b>2</b>
GTPNN2	60	1,00	5,00	3.430769	0.796663	<b>1</b>
GTPNN3	60	1,00	5,00	3.123076	0.846180	<b>3</b>
GTPNN4	60	1,00	5,00	2.984615	0.958980	<b>4</b>

Quan khảo sát cho thấy, kỹ năng “**Trẻ sử dụng cử chỉ, điệu bộ (chỉ tay, gật đầu) để giao tiếp**” xếp thứ hạng cao nhất với  $M = 3,43$  và độ lệch chuẩn  $SD = 0,796663$ . Điều này cho thấy trẻ có xu hướng lựa chọn những hình thức giao tiếp trực quan và mang tính hành động như chỉ tay hoặc gật đầu để truyền đạt thông tin, đây được xem là phương thức đơn giản, dễ hình thành và thường xuất hiện sớm trong quá trình phát triển của trẻ. Xếp thứ hạng thấp nhất là kỹ năng “**Trẻ sử dụng biểu cảm khuôn mặt để thể hiện cảm xúc**” với  $M = 2,98$  và độ lệch chuẩn là  $0,958980$ . Điều này phản ánh rằng đa số trẻ RLPTK 4-5 tuổi ít khi biểu lộ rõ ràng các trạng thái tình cảm (vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên...), hoặc nếu có thì biểu cảm thường đơn điệu, mờ nhạt và khó nhận diện. Sự hạn chế này làm giảm đáng kể khả năng truyền tải thông điệp tình cảm, khiến người đối diện khó nắm bắt được nhu cầu, mong muốn hay trạng thái tâm lý của trẻ.

### 2.3.4. Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của trẻ RLPTK 4-5 tuổi

Bảng 4: Thống kê mô tả các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp

	N	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung Bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
P1	21	0,00	2,00	1,47619	0,601585	<b>11</b>
P2	21	0,00	2,00	1,238095	0,538958	<b>18</b>
P3	21	0,00	2,00	1,761905	0,436436	<b>5</b>
P4	21	0,00	2,00	0,714286	0,64365	<b>26</b>
P5	21	0,00	2,00	1,809524	0,402374	<b>4</b>
P6	21	0,00	2,00	0,809524	0,928388	<b>25</b>
P7	21	0,00	2,00	1,190476	0,402374	<b>19</b>
P8	21	0,00	2,00	1,47619	0,511766	<b>11</b>
P9	21	0,00	2,00	1,666667	0,483046	<b>7</b>
P10	21	0,00	2,00	0,857143	0,792825	<b>24</b>
P11	21	0,00	2,00	1,190476	0,402374	<b>19</b>
P12	21	0,00	2,00	1,52381	0,511766	<b>10</b>
P13	21	0,00	2,00	1,904762	0,300793	<b>2</b>
P14	21	0,00	2,00	0,285714	0,64365	<b>29</b>
P15	21	0,00	2,00	1,714286	0,46291	<b>6</b>
P16	21	0,00	2,00	1,666667	0,483046	<b>7</b>

P17	21	0,00	2,00	1,619048	0,497613	<b>9</b>
P18	21	0,00	2,00	2	0	<b>1</b>
P19	21	0,00	2,00	1,333333	0,730297	<b>13</b>
P20	21	0,00	2,00	1,857143	0,358569	<b>3</b>
P21	21	0,00	2,00	1,285714	0,64365	<b>15</b>
P22	21	0,00	2,00	1,047619	0,589592	<b>21</b>
P23	21	0,00	2,00	0,952381	0,384212	<b>22</b>
P24	21	0,00	2,00	1,285714	0,717137	<b>15</b>
P25	21	0,00	2,00	0,571429	0,676123	<b>27</b>
P26	21	0,00	2,00	0,333333	0,483046	<b>28</b>
P27	21	0,00	2,00	0,952381	0,384212	<b>22</b>
P28	21	0,00	2,00	1,333333	0,483046	<b>13</b>
P29	21	0,00	2,00	1,285714	0,46291	<b>15</b>

Kết quả khảo sát về khả năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của trẻ rối loạn phổ tự kỷ (RLPTK) 4–5 tuổi cho thấy trẻ thể hiện điểm mạnh ở những kỹ năng mang tính trực quan – tái hiện. Cụ thể, kỹ năng nhận biết và phân biệt các đồ vật, hình ảnh quen thuộc đạt điểm trung bình cao nhất ( $M = 3,66$ ), tiếp đến là kỹ năng hiểu và thực hiện các yêu cầu đơn giản ( $M = 3,61$ ). Điều này phản ánh đặc điểm điển hình của trẻ RLPTK là khả năng ghi nhớ hình ảnh và xử lý thông tin trực quan khá tốt, đồng thời có thể đáp ứng được các mệnh lệnh đơn giản trong đời sống hàng ngày. Đây chính là những điểm mạnh có thể tận dụng làm nền tảng trong quá trình xây dựng biện pháp hỗ trợ giao tiếp.

Kết quả khảo sát cũng chỉ ra những khó khăn nổi bật trong lĩnh vực ngôn ngữ biểu đạt và ngữ dụng. Trẻ gặp nhiều hạn chế ở kỹ năng đặt câu hỏi hoặc trả lời các câu hỏi đơn giản ( $M = 2,49$ ), cho thấy sự thiếu chủ động trong khởi xướng hội thoại, vốn từ nghèo nàn và khó khăn trong duy trì tương tác qua lại. Bên cạnh đó, kỹ năng diễn đạt mơ hồ ( $M = 2,00$ ) và nói cụt lủn, cục lóc ( $M = 1,90$ ) cũng là những điểm yếu phổ biến. Những hạn chế này khiến lời nói của trẻ thường thiếu mạch lạc, khó hiểu, thiếu các thành phần ngữ pháp cần thiết và ít tính tương tác. Hệ quả là trẻ thường rơi vào trạng thái giao tiếp thụ động, phụ thuộc nhiều vào người đối thoại, khó duy trì hoặc mở rộng hội thoại.

Đáng chú ý, ở nhóm kỹ năng phi ngôn ngữ, một số năng lực như duy trì khoảng cách cơ thể phù hợp trong giao tiếp hoặc sử dụng biểu cảm khuôn mặt ít gặp khó khăn hơn so với kỹ năng ngôn ngữ. Điều này cho thấy, mặc dù trẻ RLPTK còn hạn chế trong diễn đạt bằng lời nói, nhưng vẫn có thể dựa vào tín hiệu phi ngôn ngữ như cử chỉ, nét mặt để hỗ trợ quá trình giao tiếp. Đây được xem là điểm tựa quan trọng, giúp giáo viên và phụ huynh khai thác, kết hợp nhằm bù đắp phần nào cho hạn chế ngôn ngữ và tăng hiệu quả can thiệp giao tiếp cho trẻ.

#### **2.4. Bình luận**

Kết quả cho thấy trẻ RLPTK 4–5 tuổi có khả năng khá tốt trong nhận biết hình ảnh, đồ vật và hiểu yêu cầu đơn giản. Đây là bằng chứng khẳng định trẻ có thể khai thác mạnh kênh trực quan và hình ảnh hóa trong học tập và giao tiếp (Quill, 1997).

Trẻ gặp nhiều khó khăn khi phải diễn đạt bằng câu dài hoặc trả lời câu hỏi mở. Điều này phù hợp với các nghiên cứu quốc tế cho rằng trẻ RLPTK thường hạn chế trong phát triển cú pháp và vốn từ, dẫn đến khả năng diễn đạt kém mạch lạc (Tager-Flusberg, 2000).

Ngữ dụng được xác định là “điểm nghẽn” chính. Trẻ thường giao tiếp một cách thụ động, trả lời cụt lủn hoặc sử dụng lặp lại lời người khác (echolalia). Đây là đặc điểm đã được Baron-Cohen (1997) và Paul (2003) mô tả, liên quan trực tiếp đến khiếm khuyết trong

lý thuyết tâm trí (theory of mind).

Kết quả nghiên cứu gợi ý cho các giáo viên, chuyên gia và cha mẹ trong can thiệp ngôn ngữ cho trẻ RLPTK cần lưu ý những điểm sau:

- Cần tận dụng thế mạnh trực quan (hình ảnh, đồ vật, kí hiệu) để phát triển ngôn ngữ tiếp nhận.
- Tăng cường huấn luyện ngôn ngữ biểu đạt, thông qua kể chuyện, mô tả tranh, trò chơi đóng vai.
- Chú trọng rèn luyện ngữ dụng xã hội: tập chờ lượt lời, duy trì chủ đề, đặt và trả lời câu hỏi trong ngữ cảnh thực tế.
- Kết hợp tín hiệu phi ngôn ngữ (ánh mắt, cử chỉ) để hỗ trợ sự mạch lạc trong giao tiếp.

### 3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã mô tả thực trạng kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của trẻ RLPTK 4–5 tuổi tại các trung tâm can thiệp chuyên biệt ở Việt Nam. Kết quả cho thấy sự phát triển ngôn ngữ của trẻ không đồng đều: ngôn ngữ tiếp nhận tương đối tốt, trong khi ngôn ngữ biểu đạt và đặc biệt ngữ dụng còn nhiều hạn chế.

Những phát hiện này góp phần bổ sung bằng chứng thực nghiệm về đặc điểm ngôn ngữ của trẻ RLPTK lứa tuổi mầm non ở Việt Nam, đồng thời gợi ý định hướng cho giáo viên và phụ huynh trong quá trình hỗ trợ: (1) tận dụng ưu thế trực quan để phát triển ngôn ngữ tiếp nhận; (2) tập trung can thiệp vào biểu đạt và ngữ dụng để cải thiện sự chủ động, mạch lạc; và (3) phối hợp sử dụng ngôn ngữ phi ngôn ngữ để hỗ trợ hiệu quả giao tiếp.

Nghiên cứu vẫn còn hạn chế do cỡ mẫu nhỏ và tập trung tại một số trung tâm chuyên biệt, chưa phản ánh hết tính đa dạng của nhóm trẻ RLPTK trong cộng đồng. Các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng phạm vi, kết hợp phương pháp định lượng và định tính để có cái nhìn toàn diện hơn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. American Psychiatric Association (APA). (2013). *Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders* (5th ed.). Washington, DC: APA.
2. Baron-Cohen, S. (1997). *Mindblindness: An essay on autism and theory of mind*. MIT Press.
3. Bishop, D. V. M. (1998). Development of pragmatic aspects of communication. *Journal of Child Psychology and Psychiatry*, 39(2), 219–229.
4. Gilliam, J., & Miller, L. (2006). *Pragmatic Language Skills Inventory*. Austin, TX: PRO-ED.
5. Landa, R. (2000). Social language use in Asperger syndrome and high-functioning autism. In A. Klin et al. (Eds.), *Asperger syndrome* (pp. 125–155). New York: Guilford.
6. Loveland, K., & Tunali, B. (1991). Social scripts for conversational interactions in autism and Down syndrome. *Journal of Autism and Developmental Disorders*, 21(2), 177–186.
7. Paul, R. (2003). *Language disorders from infancy through adolescence: Assessment and intervention*. Mosby.
8. Quill, K. (1997). Instructional considerations for young children with autism: The rationale for visually cued instruction. *Journal of Autism and Developmental Disorders*, 27(6), 697–714.
9. Tager-Flusberg, H. (2000). Understanding the language and communicative impairments in autism. In L. Glidden (Ed.), *International review of research in mental retardation* (Vol. 23, pp. 185–205). Academic Press.
10. Nguyễn Nữ Tâm An (2007), Sử dụng phương pháp TEACCH (trị liệu và giáo dục cho trẻ mắc hội chứng tự kỉ và trẻ có khó khăn về giao tiếp) trong giáo dục cho trẻ mắc hội chứng tự kỉ tại Hà Nội.
11. Minh, T.T.T., Nguyen, H.T.T., Nguyen, Q.N. & Do Thi, T. (2024) Social language development and vocabulary characteristics of three- to six- year- old children with autism spectrum disorder.

British Journal of Special Education, 00, 1–15. Available from: <https://doi.org/10.1111/1467-8578.12536>

12. Nguyễn Thanh Thủy, & Nguyễn Nữ Tâm An (2025), *Đặc điểm ngữ dụng của trẻ rối loạn phổ tự kỷ 4–5 tuổi và phát triển ngữ dụng xã hội cho trẻ trong môi trường hòa nhập*, Tạp chí Giáo dục.
13. Đỗ Thị Thảo (2007), Xây dựng bộ tranh ảnh hỗ trợ giao tiếp cho trẻ tự kỷ, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường - Đại học sư phạm - 07 - 148.
14. Nguyễn Thị Cẩm Hương, Bùi Ngọc Lan, Phạm Hải Châu, Nguyễn Thị Ngọc Anh, Đỗ Thị Hải (2022), Phát triển kỹ năng hội thoại cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ 5 - 6 tuổi thông qua hoạt động kể chuyện bằng vải (kịch vải), Tạp chí giáo dục (2022), 22(13), 28 – 34

### USING LANGUAGE IN COMMUNICATION OF CHILDREN WITH ASD AGED 4-5 YEARS OLD

**Abstract:** *This study investigated the current status of language use skills in communication of 21 children with autism spectrum disorder (ASD) aged 4–5 at specialized intervention centers in Vietnam. The tool used was the Grammar Scale for Children with ASD (a shortened version of the Pragmatic Language Skills Instrument – PLSI; Gilliam & Miller, 2006), which includes 29 subsequent communication behaviors, comprehensively assessing children’s language use ability. Data collected from 60 teachers and 21 children showed that children’s language skills were limited and unevenly distributed. Children showed superiority in visual skills such as recognizing objects and images ( $M = 3.66$ ) and understanding and carrying out simple requests ( $M = 3.61$ ). However, children have great difficulties in expressive language and pragmatics, especially in asking and answering questions ( $M = 2.49$ ), vague expression ( $M = 2.00$ ) and abrupt speech ( $M = 1.90$ ). These modes lead to incoherent, inactive and dynamic communication. The research results supplement empirical evidence on the current state of communication language of preschool children with ASD in Vietnam, and at the same time open up intervention directions: (1) exploiting visual strengths to develop receptive language; (2) enhancing training in expressive language and language to improve coherence and initiative; and (3) combining the use of sign language to support subsequent results and create a foundation for social integration.*

**Keywords:** *Communication language skills; early childhood; pragmatic; autism spectrum disorder.*